

Bản án số: 54/2025/HSPT

Ngày: 14-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Văn Hợp**

Các thẩm phán: ông **Nguyễn Tấn Long**

bà **Trần Thị Kim Liên**

- Thư ký phiên tòa: bà **Đặng Ngọc Gia Linh**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Xuân Thanh**, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 614/2024/TLPT-HS ngày 06 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo **Trần Hoàng G** và **Trần Anh T** về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 96/2024/HS-ST ngày 29/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Bị cáo có kháng cáo:

1. **Trần Hoàng G**; Sinh ngày 27 tháng 10 năm 1996, tại: Quảng Bình; Nơi cư trú: **Tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: lái xe; Con ông: **Trần Đức T1**, sinh năm 1971; Con bà: **Trần Kiều M**, sinh năm 1976; Vợ: **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1996; Con: có một người con sinh năm: 2023.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ sau đó chuyển tạm giam tại Trại tạm giam **Công an tỉnh Q** từ ngày 01/12/2023 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. **Trần Anh T**; Sinh ngày 04 tháng 12 năm 2000 tại: Quảng Bình; Nơi cư trú: **Tổ dân phố D, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Con ông: **Trần Anh T2**, sinh năm 1975; Con bà: **Đinh Thị H1**,

sinh năm 1981; Gia đình có 02 anh, em, bị can là con thứ nhất; Vợ, con: Chưa có;

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ sau đó chuyển tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Q từ ngày 01/12/2023 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Hoàng G

+ Ông Nguyễn Ngọc C – Văn phòng L; địa chỉ: D L, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Anh T:

+ Ông Nguyễn Ngọc C và bà Hà Thị Mỹ H2 – Văn phòng L; địa chỉ: D L, quận H, thành phố Đà Nẵng. Ông C có mặt, bà H2 có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Trọng S – Văn phòng L; địa chỉ: D L, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 01 giờ 50 phút ngày 01/12/2023, Tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Q phối hợp với các lực lượng chức năng tuần tra, kiểm soát trên địa bàn Quốc lộ I thuộc huyện H, tỉnh Quảng trị. Khi đến địa phận thôn T, xã T, huyện H phát hiện 02 xe ô tô, xe đi trước mang biển kiểm soát 73A-234.80, màu đỏ, loại Hyundai Acent do Trần Anh T điều khiển, xe đi sau mang biển kiểm soát 73A- 207.28, màu trắng nhãn hiệu Mitsubishi Xpander do Trần Hoàng G điều khiển đang lưu thông theo hướng thị trấn L về thành phố Đ, có nhiều biểu hiện nghi vấn. Khi đến cầu K, huyện H tổ công tác yêu cầu dừng phương tiện để kiểm tra, xe ô tô biển kiểm soát 73A-234.80 dừng lại. Còn xe ô tô biển kiểm soát 73A-207.28 quay đầu xe về hướng thị trấn L và chạy với tốc độ cao, tổ công tác tiến hành truy đuổi. Khi đến đoạn đường K+850 Quốc lộ I, tổ công tác phát hiện từ cửa kính phía trước bên ghế lái của xe ô tô BKS 73A-207.28 vớt ra 01 túi xách màu nâu ở lề đường bên trái hướng thị trấn K - L rồi tiếp tục bỏ chạy lên hướng Lao Bảo. Tổ công tác cử lực lượng bảo vệ túi xách màu nâu và tiếp tục truy đuổi. Đến 02 giờ 20 phút cùng ngày, tổ công tác phát hiện xe ô tô biển kiểm soát 73A-207.28 đang dừng tại Cửa hàng xăng dầu số A (thuộc K, thị trấn K, huyện H) nên tiến hành kiểm tra và mời Trần Hoàng G về làm việc. Quá trình làm việc, G và T khai nhận đang vận chuyển ma túy thì thấy lực lượng chức năng nên G bỏ chạy, trên đường bỏ chạy G đã vớt túi xách chứa ma túy ở bên lề đường. Lực lượng chức năng yêu cầu G đến chỉ địa điểm đã vớt túi xách chứa ma túy. Sau đó, mời người chứng kiến và tiến hành kiểm tra túi xách phát hiện bên trong có 02 (hai) túi nilon màu xanh, túi thứ nhất đựng 03 túi nilon màu vàng và 01 túi nilon trong suốt, bên trong chứa nhiều viên nén hình trụ tròn màu hồng, màu xanh (nghi là ma túy), khi thu giữ được niêm phong trong thùng giấy ký hiệu MT1. Túi nilon thứ hai

bên trong là túi nilon màu trắng được quấn các đoạn băng keo màu đen bên trong có 06 túi nilon màu vàng, bên trong chứa nhiều viên nén hình trụ tròn màu hồng, màu xanh (nghỉ là ma túy), khi thu giữ được niêm phong trong thùng giấy ký hiệu MT2.

Lực lượng chức năng đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, lập biên bản vụ việc, biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú đối với **Trần Hoàng G** và **Trần Anh T**.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận:

Khoảng 21 giờ ngày 30/11/2023, **Trần Hoàng G** đang ở nhà mình cùng với **Trần Anh T** thì một người đàn ông tên anh **H3** (không rõ lai lịch, địa chỉ cụ thể) gọi qua ứng dụng Zalo từ tài khoản “**A H3**” đến tài khoản Zalo “**Trần Hoàng G**” đặt vấn đề thuê **G** vào **thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị** vận chuyển ma túy. **G** hỏi số lượng bao nhiêu thì **H3** nói “trên 3 tá” (khoảng 6.000 viên/tám) vận chuyển về **huyện C, tỉnh Quảng Trị** và **thị xã B, tỉnh Quảng Bình** sẽ có người liên hệ để lấy ma túy còn tiền công **H3** nói sẽ tính sau, **G** đồng ý. Sau đó, **G** rủ **T** cùng đi để dò đường cho **G** (nghĩa là đi canh lực lượng chức năng để **G** vận chuyển ma túy) và hứa sau khi xong việc sẽ cho **T** ma túy để sử dụng, **T** đồng ý.

Sau đó, **G** điều khiển xe ô tô loại Misubishi, nhãn hiệu Xpander màu trắng, biển kiểm soát 73A-207.28 (xe mượn của anh **Trần Anh V**, trú tại: **tổ dân phố B, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình**) chở **T** đi từ nhà của mình đến **thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình**. Khi đến **thành phố Đ**, **G** bảo **T** tìm thuê xe ô tô khác để đi dò đường cho **G**, sau khi thuê được xe thì chạy hướng lên **thị trấn L, tỉnh Quảng Trị**, **T** đồng ý. **T** xuống xe, **G** tiếp tục chạy theo **Quốc lộ A** vào **tỉnh Quảng Trị**. **T** tìm và thuê xe ô tô tự lái nhãn hiệu Acent, hãng Hyundai, màu đỏ, mang biển kiểm soát 73A-234.80 của anh **Lại Minh T3**, trú tại **xã B, thành phố Đ**. Do không đủ tiền để trả nên **T** gọi điện thoại cho **G** báo đã thuê được xe và yêu cầu **G** chuyển tiền cho mình để trả tiền thuê xe. **G** sử dụng số tài khoản 040061356551 của mình mở tại **Ngân hàng S1** chuyển vào số tài khoản 0967.920.99999 (**ngân hàng Q**) của **T** số tiền 2.200.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, **T** trả tiền thuê xe hết 2.000.000 đồng còn 200.000 đồng **T** dùng để đổ xăng rồi điều khiển xe ô tô đi vào **thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị**. Khi đến địa phận **huyện C**, **T** nhắn tin cho **G** biết biển số xe **T** thuê, rồi tiếp tục điều khiển xe đi lên **thị trấn L**.

Khi **G** đang trên đường đến **thị trấn L**, Hai nhắn tin qua ứng dụng **Z** báo cho **G** biết số lượng ma túy vận chuyển là 09 tám (6000 viên/ tám) và 05 gói lẻ (200 viên/gói) đựng trong 01 túi xách, trong đó: 06 tám vận chuyển về **C**, 03 tám và 05 gói lẻ vận chuyển ra **thị xã B, tỉnh Quảng Bình**, Hai chụp ảnh túi ma túy màu nâu gửi cho **G** và yêu cầu **G** đến bờ hồ **thị trấn L** đợi nhận ma túy. **G** điều khiển xe ô tô đến địa điểm đã hẹn để đợi. Một lúc sau, có một người đàn ông cầm túi ma túy đưa qua cửa xe phía bên tài cho **G**, **G** nhận túi ma túy, để ở dưới sàn xe bên ghế phụ rồi chạy xe về hướng **Đ**.

Trên đường về thấy xe T đang đậu bên đường, G gọi và bảo T chạy trước xem đường, G chạy theo sau, nếu thấy Cảnh sát giao thông và lực lượng chức năng thì báo cho G biết. Khi về đến gần cầu K, thấy xe của T bị lực lượng chức năng dừng xe kiểm tra nên G quay đầu xe chạy lên hướng Lao Bảo. Khi đến K+850 Quốc lộ I (thuộc thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị), G hạ cửa kính bên trái xuống rồi lấy túi ma túy vớt ra lề đường bên trái theo hướng G đang chạy. G tiếp tục chạy thêm một đoạn rồi dừng lại gọi cho T hỏi “có chuyện gì đó”, T nói “họ chặn xe kiểm tra hàng lậu”, G nói với T “đã vớt hàng rồi yên tâm về đi”. Sau đó, G gọi cho H3 hỏi vì sao có lực lượng chức năng chặn xe lại, G không vận chuyển ma túy nữa và đã vớt ma túy bên đường. Nói xong G điều khiển xe ô tô quay lại hướng Đ, khi đến Cửa hàng xăng dầu số 12 (thuộc K, thị trấn K, huyện H), G dừng lại thì bị lực lượng chức năng đến kiểm tra và mời đến vị trí vớt lại túi xách màu nâu chứa ma túy. G thừa nhận túi xách màu nâu này là do chính G đã vớt lại tại hiện trường, bên trong túi xách có chứa 09 tấm ma túy và 01 túi nhỏ chứa ma túy, số ma túy này do G nhận vận chuyển cho một người đàn ông tên H3 ở thị trấn L, huyện H để nhận tiền công. T thừa nhận hành vi dồ đường cho G vận chuyển ma túy. Cơ quan điều tra đã lập biên bản người phạm tội đầu thú đối với Trần Hoàng G và Trần Anh T.

Tại bản kết luận giám định số 1210/KL-KTHS ngày 07/12/2023 của Phòng KTHS Công an tỉnh Q kết luận:

- Trong thùng niêm phong ký hiệu MT1:

+ Các viên nén màu hồng trong túi ni lông trong suốt ký hiệu 1 có khối lượng 97,63g là ma túy loại Methamphetamine.

+ Các viên nén màu hồng trong túi ni lông trong suốt có khối lượng 1.752,86g là ma túy loại Methamphetamine.

+ Các viên nén màu xanh trong túi ni lông trong suốt ký hiệu 1 có khối lượng 0,9604g không tìm thấy chất ma túy.

+ Các viên nén màu xanh trong túi ni lông trong suốt có khối lượng 15,71g không tìm thấy chất ma túy.

- Trong thùng niêm phong ký hiệu MT2:

+ Các viên nén màu hồng trong 02 túi ni lông trong suốt có khối lượng 3.515,09g là ma túy loại Methamphetamine.

+ Các viên nén màu xanh trong 02 túi ni lông trong suốt có khối lượng 32,35g không tìm thấy chất ma túy.

Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục IIC, STT: 247 Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 96/2024/HS-ST ngày 29/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

1. Tuyên bố:

Bị cáo **Trần Hoàng G**, **Trần Anh T** phạm tội: "Vận chuyển trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt:

*Đối với Bị cáo **Trần Hoàng G**:*

- Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 40; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt: Tử hình về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy".

*Đối với Bị cáo **Trần Anh T**:*

- Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 40; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt: Tử hình về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy".

Căn cứ khoản 4 Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo **Trần Hoàng G**, **Trần Anh T** để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Cùng ngày 02/10/2024, bị cáo **Trần Hoàng G** và bị cáo **Trần Anh T** có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt vì cho rằng bản án sơ thẩm xử quá nặng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bào chữa cho bị cáo **Trần Hoàng G**: Hành vi của bị cáo thực hiện đúng như Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ mới. Mong HĐXX xem xét đổi hình phạt Tử hình thành hình phạt tù để bị cáo có điều kiện sửa chữa sai lầm.

Người bào chữa cho bị cáo **Trần Anh T**: Hành vi của bị cáo thực hiện đúng như Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử. Tuy nhiên, vai trò của bị cáo **T** là mờ nhạt, chỉ thực hiện theo yêu cầu của bị cáo **G** mà không có chủ đích phạm tội. Mong Hội đồng xét xử xem xét và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo về mức hình phạt tù có thời hạn để bị cáo có cơ hội sửa sai, làm lại cuộc đời.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa đề nghị: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã rõ ràng, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, giải quyết vụ án có căn cứ, đúng pháp luật. Các bị cáo kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 02/10/2024, bị cáo [Trần Hoàng G](#) và bị cáo [Trần Anh T](#) kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Kháng cáo của các bị cáo đảm bảo còn trong thời hạn luật định, đúng hình thức theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 3 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo [Trần Hoàng G](#) và bị cáo [Trần Anh T](#) đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm nhận định là đúng. Các bị cáo cho rằng bản án sơ thẩm xét xử đúng người đúng tội tuy nhiên mức án tử hình là quá nặng. Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cụ thể: Khi được một người đàn ông tên [H3](#) (không rõ lai lịch, địa chỉ) thuê vận chuyển ma túy từ [thị trấn L, huyện H về huyện C, tỉnh Quảng Trị và thị xã B, tỉnh Quảng Bình](#); bị cáo [Trần Hoàng G](#), rủ [Trần Anh T](#) tham gia vận chuyển ma túy. Khoảng 01 giờ 50 phút ngày 01/12/2023, [T](#) điều khiển xe đi trước dò đường còn [G](#) điều khiển xe ô tô đi sau lưu thông theo hướng Lao Bảo về [thành phố Đ; khi đến cầu K, huyện H](#) cơ quan chức năng yêu cầu dừng phương tiện để kiểm tra thì [G](#) quay đầu xe về hướng Lao Bảo bỏ chạy. Khi đến đoạn đường KM 67+850 [Quốc lộ I](#), [G](#) mở cửa kín ô tô vớt ra 01 túi xách màu nâu rồi tiếp tục di chuyển lên hướng [thị trấn L](#). Đến khoảng 02 giờ 20 phút ngày 01/12/2023, lực lượng chức năng phát hiện xe ô tô do [G](#) điều khiển đang đậu tại cửa hàng xăng dầu [số A thuộc khối D, thị trấn K](#) tiến hành kiểm tra, mời [G](#) về làm việc và [Trần Hoàng G](#) thừa nhận hành vi vận chuyển thuê ma túy nêu trên. Sau đó, [Trần Anh T](#) đến cơ quan chức năng trình diện. Khối lượng ma túy là 5.365,58gam loại Methamphetamine.

Hành vi của các bị cáo [Trần Hoàng G](#), [Trần Anh T](#) đã phạm vào tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo thì thấy rằng:

Hành vi của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý về ma túy của Nhà nước; hậu quả của ma túy không chỉ làm huỷ hoại sức khoẻ giống nòi mà còn là nguyên nhân phát sinh cho các loại tội phạm, tệ nạn xã hội khác, gây mất trật tự, trị an trên địa bàn. Các bị cáo vận chuyển trái phép chất ma túy với khối lượng rất lớn, gấp hơn 53 lần mức khởi điểm của khung hình phạt, phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo [Trần Hoàng G](#) có vai trò chính, là người nhận lời vận chuyển thuê ma túy nhằm lấy tiền công. Bị cáo [Trần Anh T](#) vì được hứa hẹn cho ma túy sử dụng nên đã cùng [Trần Hoàng G](#) thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, các bị cáo phải cùng chịu chung trách nhiệm hình sự đối với khối lượng ma túy khi bị bắt.

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, xem xét và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như:

- Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ "Thành khẩn khai báo" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Năm 2019, [Trần Hoàng G](#), được Ban chấp hành Đoàn phường Quảng Thuận tặng giấy khen vì có thành tích trong công tác Đ và giúp đỡ người bị nạn, năm 2023 được Hội chữ thập đỏ [phường Q](#) cấp giấy chứng nhận tấm lòng nhân đạo cao cả thực hiện chuyển xe 0 đồng để tặng quà và giúp đỡ bệnh nhân ung thư gan tại [Bệnh viện T4](#); ông bà nội là người có công cách mạng; [Trần Anh T](#) có ông bà là người có công nên áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tất cả các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng.

Hội đồng xét xử xét thấy rằng, hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, khối lượng ma túy các bị cáo vận chuyển là đặc biệt lớn, gấp rất nhiều lần so với mức khởi điểm của khung hình phạt. Do đó, các bị cáo không còn khả năng giáo dục, cải tạo mà cần phải loại bỏ vĩnh viễn cả 02 bị cáo ra khỏi đời sống xã hội nhằm trừng trị, răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt cả 02 bị cáo với hình phạt Tử hình là hoàn toàn tương xứng với mức độ, hậu quả và hành vi phạm tội của các bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới nên không có cơ sở để chấp nhận.

[4]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo [Trần Hoàng G](#) và [Trần Anh T](#) phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo [Trần Hoàng G](#), [Trần Anh T](#) và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 96/2024/HS-ST ngày 29/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

2. Về tội danh: Bị cáo [Trần Hoàng G](#), [Trần Anh T](#) phạm tội: "Vận chuyển trái phép chất ma túy".

3. Về hình phạt:

*Đối với Bị cáo **Trần Hoàng G:***

- Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 40; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt: Tử hình về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy".

*Đối với Bị cáo **Trần Anh T:***

- Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 40; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt: Tử hình về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy".

4. Áp dụng khoản 4 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam các bị cáo để bảo đảm thi hành án.

5. Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 367 Bộ luật Tố tụng hình sự, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, các bị cáo được gửi đơn xin ân giảm án tử hình lên Chủ tịch nước.

6. Về án phí hình sự phúc thẩm: Buộc bị cáo **Trần Hoàng G, Trần Anh T** phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

7. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Trị;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Quảng Trị;
- Phòng HSNV – Công an tỉnh Quảng Trị
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Trị;
- Các bị cáo (qua trại tạm giam);
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Văn Hợp